

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600001	20040011	Nguyễn Chúc An	31/10/2001	20.J2.NN23		
2	600002	20040014	Nguyễn Kiều An	13/10/2002	20.J3.NN23		
3	600003	20040027	Athenoux Lê Hoàng Anh	25/11/2002	20.F5.NN23		
4	600004	20040031	Bùi Thảo Anh	17/10/2002	20.C7.NN23		
5	600005	20040038	Đào Phương Anh	15/11/2002	20.K3.NN23		
6	600006	20040040	Đình Ngọc Hà Anh	22/04/2002	20.F2.NN23		
7	600007	20040041	Đình Thị Anh	09/11/2002	20.J5.NN23		
8	600008	20040042	Đình Thị Vân Anh	27/04/2002	20.K3.NN23		
9	600009	20040051	Hồ Minh Anh	27/10/2002	20.G4.NN23		
10	600010	20040055	Lâm Trần Anh	25/08/2002	20.G1.SP		
11	600011	20040064	Lương Tuấn Anh	10/05/2002	20.J7.NN23		
12	600012	20040086	Nguyễn Mai Anh	08/12/2002	20.J2.NN23		
13	600013	20040090	Nguyễn Ngọc Anh	25/08/2002	20.C8.NN23		
14	600014	20040097	Nguyễn Phương Anh	22/05/2002	20.C8.NN23		
15	600015	20040098	Nguyễn Phương Anh	10/06/2002	20.C8.NN23		
16	600016	20040131	Phạm Quỳnh Anh	13/06/2002	20.J2.NN23		
17	600017	20040133	Phạm Thị Mai Anh	20/11/2002	20.C2.NN23		
18	600018	20040134	Ngô Thùy Dung	05/09/2000	20.C1.SP		
19	600019	20040135	Phạm Thục Anh	18/04/2002	20.J3.NN23		
20	600020	20040136	Vương Thị Hà	13/01/2002	20.C1.SP		
21	600021	20040137	Nguyễn Thanh Linh	17/12/2002	20.C1.SP		
22	600022	20040138	Mai Thiên Kim Ngân	17/02/2002	20.C1.SP		
23	600023	20040139	Phan Quỳnh Anh	24/12/2002	20.J3.NN23		
24	600024	20040141	Lò Thị Nhân	18/04/2002	20.C1.SP		
25	600025	20040142	Phùng Ngọc Phi Anh	08/10/2002	20.F5.NN23		
26	600026	20040143	Quách Thị Ngọc Anh	05/05/2002	20.K8.NN23		
27	600027	20040144	Vàng Thị Siu	30/01/2002	20.C1.SP		
28	600028	20040145	Phu Gió Sơ	05/01/2002	20.C1.SP		
29	600029	20040146	Triệu Thị Thu	20/03/2002	20.C1.SP		
30	600030	20040149	Trần Quế Anh	01/03/2002	20.G1.SP		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số SV dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600031	20040150	Trần Thị Minh Anh	23/02/2002	20.G1.SP		
2	600032	20040151	Tô Quỳnh Anh	22/01/1999	20.K1.SP		
3	600033	20040153	Đàm Thị Linh Chi	20/11/2002	20.G1.SP		
4	600034	20040154	Hoàng Thị Bích Diệp	06/12/2002	20.G1.SP		
5	600035	20040155	Phạm Lan Hương	21/06/2002	20.G1.SP		
6	600036	20040156	Phùng Thị Lan Hương	01/06/2002	20.G1.SP		
7	600037	20040157	Nguyễn Thị Hà Lệ	28/09/2001	20.G1.SP		
8	600038	20040159	Trương Khánh Linh	10/01/2002	20.G1.SP		
9	600039	20040160	Nguyễn Thị Yến Nhi	04/06/2002	20.G1.SP		
10	600040	20040161	Lê Trang Nhung	28/10/2002	20.G1.SP		
11	600041	20040162	Trần Phương Anh	01/10/2002	20.K1.SP		
12	600042	20040163	Nguyễn Hà Phương	26/04/2002	20.G1.SP		
13	600043	20040164	Nguyễn Thị Uyên Phương	10/06/2002	20.G1.SP		
14	600044	20040165	Phùng Thị Mai Phương	05/09/2001	20.G1.SP		
15	600045	20040169	Vũ Nguyễn Vân Anh	05/04/2002	20.K3.NN23		
16	600046	20040173	Đỗ Huyền Yến	10/10/2002	20.G1.SP		
17	600047	20040174	Đỗ Thị Chi	15/10/2002	20.J1.SP		
18	600048	20040175	Ngô Kiều Chinh	26/10/2002	20.J1.SP		
19	600049	20040176	Phạm Thu Hằng	06/11/2002	20.J1.SP		
20	600050	20040177	Cao Xuân Khánh	15/08/2000	20.J1.SP		
21	600051	20040178	Tạ Hồng Ngọc	30/11/2002	20.J1.SP		
22	600052	20040179	Hoàng Nguyễn Ngọc Ánh	25/09/2002	20.K5.NN23		
23	600053	20040180	Đỗ Thị Phương Nhung	26/01/2002	20.J1.SP		
24	600054	20040182	Nguyễn Phương Quỳnh	10/08/2002	20.J1.SP		
25	600055	20040183	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/09/2002	20.C8.NN23		
26	600056	20040184	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	14/07/2002	20.C8.NN23		
27	600057	20040185	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01/02/2002	20.C2.NN23		
28	600058	20040186	Phạm Thị Minh Ánh	14/02/2002	20.J6.NN23		
29	600059	20040188	Bùi Bạch Vy	09/10/2002	20.J1.SP		
30	600060	20040189	Hoàng Thị Anh	19/08/2002	20.K1.SP		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020
TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600061	20040190	Lại Thị	Ánh	03/03/2001	20.K1.SP		
2	600062	20040191	Dương Thị Trúc	Đào	26/12/2002	20.K1.SP		
3	600063	20040192	Hồ Khánh	Huyền	14/10/2002	20.K1.SP		
4	600064	20040193	Phạm Thị	Hương	17/10/2001	20.K1.SP		
5	600065	20040195	Trần Hà Phương	Linh	11/03/2002	20.K1.SP		
6	600066	20040196	Cao Thị Kim	Ngân	07/06/2002	20.K1.SP		
7	600067	20040198	Hoàng Thị	Trang	20/04/2001	20.K1.SP		
8	600068	20040202	Trịnh Thanh	Bình	10/09/2002	20.C8.NN23		
9	600069	20040205	Phạm Thị Bích	Cầm	16/12/2002	20.K6.NN23		
10	600070	20040212	Lê Trần Bảo	Châu	25/02/2002	20.J3.NN23		
11	600071	20040215	Nguyễn Minh	Châu	22/09/2002	20.G2.NN23		
12	600072	20040225	Đặng Tùng	Chi	16/12/2002	20.C2.NN23		
13	600073	20040228	Đỗ Quỳnh	Chi	04/10/2002	20.K7.NN23		
14	600074	20040235	Khánh	Chi	28/08/2002	20.J8.NN23		
15	600075	20040236	Nguyễn Linh	Chi	21/02/2002	20.K6.NN23		
16	600076	20040254	Võ Thị Mai	Chi	02/06/2002	20.C3.NN23		
17	600077	20040263	Đoàn Thanh	Chúc	05/09/2002	20.J7.NN23		
18	600078	20040264	Nguyễn Thị Thu	Cúc	14/11/2002	20.J8.NN23		
19	600079	20040274	Trần Minh	Đạt	08/04/2002	20.J4.NN23		
20	600080	20040282	Bùi Phương	Điệp	20/03/2002	20.C1.SP		
21	600081	20040286	Hoàng Thị	Dịu	11/04/2002	20.J7.NN23		
22	600082	20040289	Lương Minh	Đức	14/03/2000	20.C2.NN23		
23	600083	20040294	Nguyễn Thị	Dung	02/03/2002	20.K3.NN23		
24	600084	20040307	Nguyễn Ánh	Dương	10/02/2002	20.K7.NN23		
25	600085	20040314	Phan Thuý	Dương	21/02/2002	20.C3.NN23		
26	600086	20040321	Đinh Thị Mỹ	Duyên	22/03/2002	20.J4.NN23		
27	600087	20040328	Đặng Tuấn	Giang	08/06/2002	20.F4.NN23		
28	600088	20040344	Nguyễn Thu	Giang	15/11/2002	20.K4.NN23		
29	600089	20040354	Trần Huyền	Giang	14/05/2002	20.J6.NN23		
30	600090	20040356	Vũ Hương	Giang	27/06/2002	20.J3.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600091	20040360	Đặng Hải Hà	04/10/2002	20.J7.NN23		
2	600092	20040362	Đặng Thái Hà	10/02/2002	20.K3.NN23		
3	600093	20040367	Lê Phương Hà	21/03/2002	20.K7.NN23		
4	600094	20040376	Nguyễn Ngọc Hà	26/04/2002	20.G1.SP		
5	600095	20040401	Lê Thị Thu Hải	27/12/2002	20.C4.NN23		
6	600096	20040408	Dương Phạm Thanh Hằng	29/10/2002	20.C5.NN23		
7	600097	20040412	Ngô Thị Hằng	02/04/2002	20.C3.NN23		
8	600098	20040414	Nguyễn Thanh Hằng	01/10/2002	20.R3.NN		
9	600099	20040418	Phạm Thu Hằng	12/11/2002	20.R1.NN		
10	600100	20040424	Ứng Nguyễn Thảo Hằng	12/06/2002	20.J6.NN23		
11	600101	20040436	Tạ Thị Hồng Hạnh	30/06/2002	20.C4.NN23		
12	600102	20040439	Cao Thanh Hiền	17/05/2002	20.K1.SP		
13	600103	20040442	Đinh Thị Thu Hiền	28/07/2002	20.C4.NN23		
14	600104	20040450	Nguyễn Thị Hiền	22/02/2002	20.C2.NN23		
15	600105	20040451	Nguyễn Thị Thảo Hiền	10/10/2002	20.K4.NN23		
16	600106	20040460	Trần Thị Thu Hiền	08/06/2002	20.C3.NN23		
17	600107	20040463	Vũ Thị Thanh Hiền	06/03/2002	20.J7.NN23		
18	600108	20040464	Vũ Thị Thu Hiền	02/02/2002	20.C5.NN23		
19	600109	20040472	Đỗ Trung Hiếu	03/05/2002	20.J4.NN23		
20	600110	20040486	Trần Quỳnh Hoa	21/05/2002	20.K4.NN23		
21	600111	20040493	Nguyễn Đăng Huy Hoàng	12/10/2002	20.F2.NN23		
22	600112	20040503	Phạm Hoàng Hùng	15/12/2002	20.G5.NN23		
23	600113	20040506	Bùi Phúc Hưng	21/09/2002	20.G1.SP		
24	600114	20040507	Bùi Việt Hưng	07/08/2002	20.J4.NN23		
25	600115	20040510	Vì Tiến Hưng	20/08/2002	20.J8.NN23		
26	600116	20040513	Đinh Thu Hương	20/03/2002	20.K7.NN23		
27	600117	20040517	Lê Thị Quỳnh Hương	11/03/2002	20.G3.NN23		
28	600118	20040521	Nguyễn Thị Hương	13/03/2002	20.C2.NN23		
29	600119	20040528	Trần Minh Hương	17/08/2002	20.C3.NN23		
30	600120	20040529	Trần Thị Lan Hương	05/09/2002	20.K3.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600121	20040532	Đoàn Phương An	07/12/2002	20.R1.NN		
2	600122	20040535	Lê Ngọc Anh	18/12/2002	20.R3.NN		
3	600123	20040536	Nguyễn Hoàng Mai Anh	10/09/2002	20.R1.NN		
4	600124	20040537	Nguyễn Kiều Anh	19/09/2002	20.R2.NN		
5	600125	20040538	Nguyễn Thị Hồng Anh	13/10/2002	20.R3.NN		
6	600126	20040539	Nguyễn Thanh Anh	03/02/2002	20.R1.NN		
7	600127	20040540	Nguyễn Việt Anh	21/06/2002	20.R2.NN		
8	600128	20040541	Phạm Hoàng Vân Anh	28/03/2002	20.R3.NN		
9	600129	20040543	Ngô Thị Minh Ánh	01/09/2002	20.R1.NN		
10	600130	20040544	Lý Thái Bảo	16/08/2002	20.R2.NN		
11	600131	20040545	Dương Thị Thuỳ Dương	20/04/2002	20.R3.NN		
12	600132	20040546	Phạm Đình Triều Dương	14/10/2002	20.R1.NN		
13	600133	20040547	Trần Thùy Dương	21/12/2002	20.R2.NN		
14	600134	20040549	Dương Ngọc Huyền	22/04/2002	20.J5.NN23		
15	600135	20040550	Mai Đức Thế Đạt	11/08/2002	20.R2.NN		
16	600136	20040551	Nguyễn Thị Giang	29/01/2002	20.R3.NN		
17	600137	20040556	Lý Mai Hạnh	12/10/2002	20.R1.NN		
18	600138	20040557	Phạm Minh Hằng	16/02/2002	20.R2.NN		
19	600139	20040560	Bùi Thị Huệ	24/04/2002	20.R1.NN		
20	600140	20040561	Nguyễn Thị Thu Huyền	31/10/2000	20.J6.NN23		
21	600141	20040562	Nguyễn Nhật Huy	07/12/2002	20.R2.NN		
22	600142	20040563	Dương Ngọc Huyền	12/01/2002	20.R3.NN		
23	600143	20040564	Phạm Thị Thu Huyền	13/09/2002	20.J5.NN23		
24	600144	20040565	Trần Hương Huyền	01/02/2002	20.C3.NN23		
25	600145	20040567	Trần Thị Khánh Huyền	13/03/2002	20.K5.NN23		
26	600146	20040568	Trần Thị Nhâm Huyền	12/07/2002	20.K5.NN23		
27	600147	20040570	Trịnh Hoàng Linh	18/08/2002	20.R2.NN		
28	600148	20040571	Trịnh Mai Linh	24/08/2002	20.R3.NN		
29	600149	20040572	Vũ Thị Linh	22/01/2002	20.R1.NN		
30	600150	20040573	Đào Thị Ngọc Mai	04/09/2002	20.R2.NN		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600151	20040574	Mẫn Hoàng	Mai	23/08/2002	20.R3.NN		
2	600152	20040576	Lê Thị Thảo	My	23/09/2002	20.R2.NN		
3	600153	20040577	Trần Thảo	My	24/06/2002	20.R3.NN		
4	600154	20040578	Vũ Hoàng	My	27/03/2002	20.R1.NN		
5	600155	20040580	Đình Hằng	Nga	17/04/2002	20.R2.NN		
6	600156	20040582	Phạm Thị	Ngà	14/02/2002	20.R3.NN		
7	600157	20040584	Mai Xuân	Khánh	09/09/2002	20.J1.SP		
8	600158	20040585	Vũ Đình	Nguyên	28/02/2001	20.R2.NN		
9	600159	20040586	Vũ Minh	Nguyệt	04/03/2002	20.R3.NN		
10	600160	20040587	Lê Thị Lan	Nhi	12/07/2002	20.R1.NN		
11	600161	20040588	Lê Yên	Nhi	21/08/2002	20.R2.NN		
12	600162	20040590	Nguyễn Thị	Phương	13/03/2002	20.R3.NN		
13	600163	20040592	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	10/09/2002	20.R1.NN		
14	600164	20040593	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	18/12/2002	20.R2.NN		
15	600165	20040594	Khổng Thị Phương	Thanh	02/07/2002	20.R3.NN		
16	600166	20040596	Quách Đăng Đại	Thành	06/04/2001	20.R2.NN		
17	600167	20040597	Bùi Hoàng Tuấn	Kiệt	11/10/2002	20.F2.NN23		
18	600168	20040600	Đặng Tùng	Lâm	25/03/2002	20.K4.NN23		
19	600169	20040601	Đỗ Ái	Lâm	23/08/2002	20.C4.NN23		
20	600170	20040602	Phạm Thị Phương	Thảo	26/08/2002	20.R2.NN		
21	600171	20040605	Đoàn Thị	Thương	02/12/2002	20.R1.NN		
22	600172	20040606	Lại Thu	Trang	15/03/2002	20.R2.NN		
23	600173	20040607	Đỗ Mai	Lan	06/10/2002	20.J4.NN23		
24	600174	20040608	Trần Thị Linh	Trang	22/10/2002	20.R1.NN		
25	600175	20040609	Trịnh Thảo	Trang	11/07/2001	20.R2.NN		
26	600176	20040610	Nguyễn Ngọc	Trâm	01/06/2002	20.R3.NN		
27	600177	20040611	Vũ Thành	Trung	04/10/2002	20.R1.NN		
28	600178	20040612	Ngô Thị Cẩm	Tú	06/12/2002	20.R2.NN		
29	600179	20040613	Phạm Nguyễn Thùy	Lan	27/02/2002	20.G4.NN23		
30	600180	20040614	Trần Đoàn Diệp	Lan	22/10/2002	20.F3.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600181	20040615	Đỗ Thị Hải	Anh	07/07/2002	20.F3.NN23		
2	600182	20040616	Nguyễn Hạ	Lân	14/07/2002	20.G1.SP		
3	600183	20040617	Nguyễn Hải	Anh	03/09/2002	20.F4.NN23		
4	600184	20040618	Nguyễn Phương	Anh	26/05/2002	20.F5.NN23		
5	600185	20040619	Nguyễn Quỳnh	Anh	02/07/2002	20.F1.NN23		
6	600186	20040623	Phạm Quỳnh	Anh	01/06/2002	20.F3.NN23		
7	600187	20040625	Trịnh Thị Ngọc	Anh	18/10/2001	20.F5.NN23		
8	600188	20040629	Nguyễn Trí Ngọc	Ánh	12/02/2002	20.F3.NN23		
9	600189	20040630	Bùi Vũ Khánh	Linh	10/05/2002	20.G1.SP		
10	600190	20040631	Ngô Xuân	Bách	08/04/2002	20.F5.NN23		
11	600191	20040633	Nguyễn Minh	Châu	24/06/2002	20.F1.NN23		
12	600192	20040634	Đình Khánh	Chi	12/12/2002	20.F2.NN23		
13	600193	20040635	Đình Ngọc Mai	Chi	23/02/2002	20.F3.NN23		
14	600194	20040637	Võ Kim	Dung	24/03/2002	20.F1.NN23		
15	600195	20040638	Dương Thị Hồng	Duyên	07/10/2002	20.F4.NN23		
16	600196	20040641	Trần Ánh	Dương	23/08/2001	20.F1.NN23		
17	600197	20040642	Lưu Phương	Đông	27/02/2001	20.F2.NN23		
18	600198	20040643	Đỗ Phương Yến	Linh	02/03/2002	20.G5.NN23		
19	600199	20040644	Nguyễn Khánh Thu	Giang	05/06/2002	20.F3.NN23		
20	600200	20040645	Trương Minh	Giang	14/02/2002	20.F3.NN23		
21	600201	20040646	Hoàng Việt	Hà	29/01/2002	20.F1.NN23		
22	600202	20040648	Vũ Việt	Hà	22/01/2002	20.F4.NN23		
23	600203	20040649	Lê Minh	Hải	18/07/2002	20.F5.NN23		
24	600204	20040650	Bùi Bảo	Hạnh	13/09/2002	20.F4.NN23		
25	600205	20040651	Ma Thùy	Hạnh	20/03/2002	20.F5.NN23		
26	600206	20040652	Nguyễn Thúy	Hạnh	04/08/2002	20.F1.NN23		
27	600207	20040653	Ngô Thị	Hiên	03/09/2002	20.F1.NN23		
28	600208	20040654	Lại Thùy	Linh	22/03/2002	20.K1.SP		
29	600209	20040655	Nguyễn Thị	Hoa	12/08/2002	20.F2.NN23		
30	600210	20040656	Ngô Quốc	Hoàng	25/12/2002	20.F3.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600211	20040657	Ngô Thị	Huệ	01/10/2002	20.F4.NN23		
2	600212	20040659	Lê Yên	Linh	25/02/2002	20.C5.NN23		
3	600213	20040660	Ngô Hoàng Phương	Linh	15/11/2002	20.F1.NN23		
4	600214	20040662	Nguyễn Quỳnh	Hương	25/07/2002	20.F2.NN23		
5	600215	20040664	Ngô Thị Ngọc	Linh	01/03/2002	20.K2.NN23		
6	600216	20040667	Vũ Thị Ngọc	Lan	05/12/2002	20.F5.NN23		
7	600217	20040668	Hoàng Khánh	Linh	28/12/2002	20.F1.NN23		
8	600218	20040669	Hoàng Vân	Linh	20/01/2002	20.F2.NN23		
9	600219	20040670	Nguyễn Đỗ Phương	Linh	25/09/2002	20.F3.NN23		
10	600220	20040671	Nguyễn Khánh	Linh	02/09/2002	20.C1.SP		
11	600221	20040672	Nguyễn Khánh	Linh	12/10/2002	20.F5.NN23		
12	600222	20040674	Vũ Hoàng	Linh	28/11/2002	20.F5.NN23		
13	600223	20040675	Đình Khánh	Ly	23/03/2002	20.F1.NN23		
14	600224	20040676	Lê Thị Khánh	Ly	20/10/2002	20.F2.NN23		
15	600225	20040677	Hoàng Thị Thanh	Mai	09/12/2002	20.F3.NN23		
16	600226	20040678	Nguyễn Phương	Linh	16/06/2002	20.C6.NN23		
17	600227	20040679	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/03/2002	20.F5.NN23		
18	600228	20040680	Trần Tuyết	Mai	30/01/2002	20.F1.NN23		
19	600229	20040681	Vũ Thị	Mai	23/03/2002	20.F1.NN23		
20	600230	20040682	Công Ngọc	Mỹ	18/09/2002	20.F2.NN23		
21	600231	20040684	Ngô Thị	Nga	29/04/2002	20.F3.NN23		
22	600232	20040685	Nguyễn Thị Nhật	Linh	11/08/2002	20.J2.NN23		
23	600233	20040686	Chu Kim	Ngân	21/08/2002	20.F4.NN23		
24	600234	20040687	Tạ Hiếu	Ngân	16/09/2002	20.F5.NN23		
25	600235	20040689	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	16/07/2002	20.F3.NN23		
26	600236	20040690	Nguyễn Thùy	Linh	17/11/2002	20.F1.NN23		
27	600237	20040691	Nguyễn Thị Kiều	Nhung	01/02/2002	20.F3.NN23		
28	600238	20040692	Nguyễn Trang	Nhung	17/06/2002	20.F4.NN23		
29	600239	20040693	Nhâm Thị Trang	Nhung	02/10/2002	20.F4.NN23		
30	600240	20040694	Phạm Thị	Nhung	20/12/2002	20.F5.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600241	20040695	Phạm Hoài Linh	28/08/2002	20.G2.NN23		
2	600242	20040697	Phạm Nguyễn Khánh Linh	17/09/2002	20.F3.NN23		
3	600243	20040698	Trần Thị Thanh Phương	06/03/2001	20.F1.NN23		
4	600244	20040700	Nguyễn Thị Quỳnh	22/03/2002	20.F2.NN23		
5	600245	20040703	Phạm Quốc Thái	15/09/2002	20.F5.NN23		
6	600246	20040704	Hà Thị Phương Thu	16/04/2002	20.F1.NN23		
7	600247	20040705	Nguyễn Thị Minh Thu	06/10/2002	20.F3.NN23		
8	600248	20040706	Đỗ Thị Thùy	26/07/2001	20.F2.NN23		
9	600249	20040707	Nguyễn Thị Thùy Tiên	25/03/2002	20.F4.NN23		
10	600250	20040708	Đào Thùy Trang	08/04/2002	20.F3.NN23		
11	600251	20040709	Đoàn Quỳnh Trang	16/09/2002	20.F4.NN23		
12	600252	20040710	Ngô Quỳnh Trang	19/05/2002	20.F5.NN23		
13	600253	20040711	Nguyễn Hoàng Kiều Trang	27/05/2002	20.F1.NN23		
14	600254	20040712	Nguyễn Minh Trang	19/11/2002	20.F5.NN23		
15	600255	20040715	Trần Ngọc Linh	22/07/2002	20.K8.NN23		
16	600256	20040716	Ngô Nguyễn Việt Trinh	02/03/2002	20.F3.NN23		
17	600257	20040717	Phan Thị Anh Tú	04/10/2002	20.F3.NN23		
18	600258	20040720	Nguyễn Thị Mai Vân	12/05/2002	20.F4.NN23		
19	600259	20040721	Đặng Quang Vinh	05/01/2002	20.F5.NN23		
20	600260	20040722	Nguyễn Ngọc Vy	10/11/2002	20.F5.NN23		
21	600261	20040723	Nguyễn Thị Hà Vy	14/02/2002	20.F1.NN23		
22	600262	20040724	Lê Ngọc Yến	01/09/2002	20.F2.NN23		
23	600263	20040725	Nguyễn Hải Yến	16/01/2002	20.F1.NN23		
24	600264	20040726	Nguyễn Phi Yến	19/06/2002	20.F3.NN23		
25	600265	20040727	Phạm Thị Thu Yến	08/10/2002	20.F4.NN23		
26	600266	20040729	Trần Hiểu An	11/01/2002	20.C3.NN23		
27	600267	20040730	Đỗ Mai Anh	09/02/2002	20.C5.NN23		
28	600268	20040731	Đỗ Phương Anh	09/02/2002	20.C6.NN23		
29	600269	20040732	Đào Hoàng Long	22/08/2002	20.J4.NN23		
30	600270	20040733	Hứa Văn Anh	06/01/2001	20.C4.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600271	20040734	Nguyễn Duy Lê Anh	09/09/2002	20.C4.NN23		
2	600272	20040735	Nguyễn Ngọc Anh	25/09/2002	20.C6.NN23		
3	600273	20040736	Nguyễn Ngọc Anh	28/04/2002	20.C4.NN23		
4	600274	20040738	Nguyễn Thị Phương Anh	27/07/2002	20.C2.NN23		
5	600275	20040739	Nguyễn Thị Vân Anh	17/10/2002	20.C6.NN23		
6	600276	20040742	Thân Thị Mai Anh	01/10/2002	20.C4.NN23		
7	600277	20040743	Trần Ngọc Anh	03/09/2002	20.C8.NN23		
8	600278	20040744	Trần Phương Anh	28/04/2002	20.C3.NN23		
9	600279	20040745	Nguyễn Minh Lý	16/09/2002	20.J5.NN23		
10	600280	20040748	Phan Thị Minh Ánh	24/09/2002	20.C3.NN23		
11	600281	20040750	Lại Thanh Bình	14/08/2002	20.C8.NN23		
12	600282	20040752	Nguyễn Yến Chi	19/12/2002	20.C5.NN23		
13	600283	20040753	Lê Nguyễn Chi Mai	26/11/2002	20.K1.SP		
14	600284	20040754	Phạm Thị Phương Chinh	08/10/2002	20.C3.NN23		
15	600285	20040755	Nguyễn Lê Phương Mai	01/11/2002	20.K1.SP		
16	600286	20040756	Nguyễn Thùy Dung	02/12/2002	20.C3.NN23		
17	600287	20040757	Nguyễn Thị Bích Duyên	17/11/2002	20.C6.NN23		
18	600288	20040758	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	13/12/2002	20.C8.NN23		
19	600289	20040759	Trần Minh Đức	30/03/2002	20.C3.NN23		
20	600290	20040760	Doãn Thị Hương Giang	01/09/2002	20.C5.NN23		
21	600291	20040761	Nguyễn Thị Thu Hà	10/12/2002	20.C5.NN23		
22	600292	20040762	Nguyễn Thị Hiền Mai	15/09/2002	20.K2.NN23		
23	600293	20040763	Vũ Thị Thanh Hà	31/12/2002	20.C3.NN23		
24	600294	20040764	Bùi Thị Hạnh	21/01/2002	20.C3.NN23		
25	600295	20040765	Nguyễn Minh Hạnh	28/04/2002	20.C6.NN23		
26	600296	20040767	Nguyễn Thị Hằng	09/09/2002	20.C4.NN23		
27	600297	20040768	Nguyễn Thị Hằng	26/01/2002	20.C2.NN23		
28	600298	20040769	Lưu Phương Hiền	06/07/2002	20.C7.NN23		
29	600299	20040770	Phan Thanh Hiền	22/02/2002	20.C4.NN23		
30	600300	20040771	Vũ Thị Mai Hiền	25/01/2002	20.C6.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600301	20040772	Nguyễn Trung	Hiếu	10/05/2002	20.C2.NN23		
2	600302	20040773	Đình Thị	Hoa	28/06/2002	20.C3.NN23		
3	600303	20040774	Trần Thị	Hoa	20/07/2002	20.C4.NN23		
4	600304	20040775	Trịnh Thị	Huệ	15/03/2002	20.C4.NN23		
5	600305	20040776	Hoàng Khánh	Huyền	26/11/2002	20.C4.NN23		
6	600306	20040777	Hoàng Lê Diệu	Huyền	09/09/2002	20.C4.NN23		
7	600307	20040778	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/12/2002	20.C6.NN23		
8	600308	20040779	Nguyễn Ngọc	Huyền	31/12/2002	20.C8.NN23		
9	600309	20040780	Nguyễn Thị	Huyền	14/06/2002	20.C6.NN23		
10	600310	20040782	Cù Nguyễn Vân	Khánh	01/12/2002	20.C4.NN23		
11	600311	20040783	Lã Thị Phương	Minh	01/08/2002	20.C5.NN23		
12	600312	20040785	Dương Khánh	Linh	10/10/2002	20.C4.NN23		
13	600313	20040786	Đỗ Khánh	Linh	14/08/2002	20.C7.NN23		
14	600314	20040787	Ngô Nhật	Linh	07/01/2002	20.C7.NN23		
15	600315	20040788	Nguyễn Thị Mai	Linh	29/12/2002	20.C2.NN23		
16	600316	20040789	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/09/2002	20.C2.NN23		
17	600317	20040790	Nguyễn Trúc	Linh	28/11/2002	20.C2.NN23		
18	600318	20040791	Phạm Khánh	Linh	12/10/2002	20.C5.NN23		
19	600319	20040792	Nguyễn Hải	Minh	03/07/2002	20.K4.NN23		
20	600320	20040793	Trần Phương	Linh	06/06/2002	20.C5.NN23		
21	600321	20040794	Nguyễn Nhật	Minh	18/07/2002	20.C6.NN23		
22	600322	20040795	Vương Thùy	Linh	08/02/2002	20.C7.NN23		
23	600323	20040796	Thân Thị Ngọc	Mai	09/11/2002	20.C5.NN23		
24	600324	20040797	Đỗ Trà	My	13/10/2002	20.C5.NN23		
25	600325	20040798	Hồ Thị	My	28/03/2002	20.C2.NN23		
26	600326	20040799	Nguyễn Trần Nhật	Minh	31/12/2001	20.C4.NN23		
27	600327	20040800	Chu Thị Thúy	Nga	07/04/2002	20.C5.NN23		
28	600328	20040801	Lê Thanh	Nga	02/08/2002	20.C7.NN23		
29	600329	20040802	Tôn Thiện Hải	Minh	27/10/2002	20.J1.SP		
30	600330	20040803	Vũ Thanh	Ngà	31/12/2002	20.C2.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600331	20040804	Bùi Thị	Ngân	13/02/2002	20.C4.NN23		
2	600332	20040805	Nguyễn Hoài	Ngọc	15/09/2002	20.C5.NN23		
3	600333	20040807	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	14/05/2002	20.C5.NN23		
4	600334	20040809	Vũ Hồng	Ngọc	11/03/2002	20.C3.NN23		
5	600335	20040811	Nguyễn Thảo	Nguyên	06/10/2002	20.C4.NN23		
6	600336	20040812	Trịnh Thị Hạnh	Nguyên	15/11/2002	20.C6.NN23		
7	600337	20040815	Hoàng Nguyễn Yến	Nhi	02/03/2002	20.C8.NN23		
8	600338	20040816	Đặng Thanh	Phong	10/09/2002	20.C3.NN23		
9	600339	20040817	Nguyễn Nữ Vương	Phúc	20/12/2002	20.C2.NN23		
10	600340	20040818	Bùi Thị	Phương	04/03/2002	20.C6.NN23		
11	600341	20040819	Đoàn Bích	Phương	14/02/2002	20.C8.NN23		
12	600342	20040821	Phạm Thị	Quyên	14/06/2002	20.C3.NN23		
13	600343	20040824	Phạm Huyền	My	12/06/2002	20.J2.NN23		
14	600344	20040826	Giáp Thị Phương	Thanh	28/05/2002	20.C4.NN23		
15	600345	20040827	Nguyễn Thị	Thanh	08/06/2002	20.C5.NN23		
16	600346	20040828	Đỗ Thị Phương	Thảo	29/10/2002	20.C8.NN23		
17	600347	20040830	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/03/2002	20.C3.NN23		
18	600348	20040832	Nguyễn Thanh	Thảo	31/10/2002	20.C5.NN23		
19	600349	20040833	Nguyễn Vân	Thảo	22/12/2002	20.C5.NN23		
20	600350	20040834	Phạm Bùi Phương	Thảo	03/05/2002	20.C7.NN23		
21	600351	20040835	Vũ Thị	Thảo	26/11/2002	20.C5.NN23		
22	600352	20040836	Lê Thị Minh	Thu	22/03/2002	20.C2.NN23		
23	600353	20040837	Vũ Thị	Thùy	05/01/2002	20.C4.NN23		
24	600354	20040838	Cao Hồng	Nga	22/11/2002	20.J8.NN23		
25	600355	20040839	Cát Thị Thanh	Thúy	22/09/2002	20.C6.NN23		
26	600356	20040840	Dương Thị	Thúy	10/01/2002	20.C2.NN23		
27	600357	20040842	Nguyễn Lê Linh	Nga	06/03/2002	20.C4.NN23		
28	600358	20040843	Giang Thị Thủy	Trang	02/03/2002	20.C6.NN23		
29	600359	20040844	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	04/11/2002	20.C7.NN23		
30	600360	20040846	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	26/07/2002	20.C5.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600361	20040847	Phạm Quỳnh Trang	04/07/2002	20.C2.NN23		
2	600362	20040849	Vương Thị Thùy Trang	29/11/2002	20.C4.NN23		
3	600363	20040850	Nguyễn Việt Trinh	15/02/2002	20.C5.NN23		
4	600364	20040851	Nguyễn Thanh Tú	09/07/2002	20.C8.NN23		
5	600365	20040854	Vũ Mai Phương Uyên	31/08/2002	20.C7.NN23		
6	600366	20040855	Lê Thị Cẩm Vân	13/07/2002	20.C5.NN23		
7	600367	20040856	Ngô Thanh Vân	29/01/2002	20.C3.NN23		
8	600368	20040857	Hoàng Triệu Vi	25/10/2002	20.C7.NN23		
9	600369	20040858	Dương Thị Yến Vy	18/11/2002	20.C8.NN23		
10	600370	20040859	Phan Lê Hải Yến	15/11/2002	20.C8.NN23		
11	600371	20040860	Hà Phương Anh	15/10/2002	20.G2.NN23		
12	600372	20040861	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/08/2002	20.K2.NN23		
13	600373	20040863	Lê Vũ Trang Anh	02/04/2002	20.G3.NN23		
14	600374	20040864	Nguyễn Đỗ Quỳnh Anh	16/03/1997	20.G4.NN23		
15	600375	20040866	Nguyễn Hoàng Anh	17/05/2002	20.G5.NN23		
16	600376	20040867	Nguyễn Minh Anh	10/09/2002	20.G2.NN23		
17	600377	20040868	Nguyễn Ngọc Vân Anh	30/11/2002	20.G3.NN23		
18	600378	20040870	Nguyễn Thị Minh Anh	19/06/2002	20.G4.NN23		
19	600379	20040871	Nguyễn Thị Vân Anh	18/05/2002	20.G5.NN23		
20	600380	20040872	Nguyễn Vũ Châu Anh	10/05/2002	20.G2.NN23		
21	600381	20040874	Trần Thị Vân Anh	20/01/2002	20.G4.NN23		
22	600382	20040875	Phạm Hồng Ngọc Ánh	14/10/2002	20.G5.NN23		
23	600383	20040878	Dương Thị Ngọc	19/04/2002	20.K5.NN23		
24	600384	20040879	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	22/03/2002	20.G4.NN23		
25	600385	20040880	Lê Minh Ngọc	26/07/2002	20.J1.SP		
26	600386	20040881	Phan Hà Chi	01/10/2002	20.G2.NN23		
27	600387	20040882	Phạm Lê Yến Chi	16/07/2002	20.G3.NN23		
28	600388	20040883	Nguyễn Bích Ngọc	22/04/2002	20.C5.NN23		
29	600389	20040884	Nguyễn Thị Cúc	01/06/2002	20.G4.NN23		
30	600390	20040885	Nguyễn Linh Ngọc	23/11/2002	20.K2.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600391	20040887	Bùi Ngọc	Diệp	25/01/2002	20.G2.NN23		
2	600392	20040888	Nguyễn Minh	Ngọc	08/03/2002	20.C6.NN23		
3	600393	20040890	Đỗ Lê Khánh	Dương	22/05/2002	20.G5.NN23		
4	600394	20040891	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	04/09/2002	20.J8.NN23		
5	600395	20040892	Vũ Thùy	Dương	31/05/2002	20.G3.NN23		
6	600396	20040893	Nguyễn Thị Thảo	Ngọc	29/11/2002	20.J7.NN23		
7	600397	20040894	Doãn Hương	Giang	01/09/2001	20.G5.NN23		
8	600398	20040895	Đỗ Việt	Hà	13/09/2002	20.G2.NN23		
9	600399	20040896	Thân Thị Ngọc	Hà	19/05/2002	20.G3.NN23		
10	600400	20040898	Đinh Thị Thu	Hằng	26/07/2002	20.G5.NN23		
11	600401	20040899	Thanh	Hiên	10/09/2002	20.G2.NN23		
12	600402	20040900	Trần Thị	Ngọc	04/09/2002	20.K8.NN23		
13	600403	20040901	Vũ Minh	Hiếu	27/11/2002	20.G4.NN23		
14	600404	20040902	Trần Thị Như	Ngọc	07/10/2002	20.J1.SP		
15	600405	20040904	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/03/2002	20.G3.NN23		
16	600406	20040905	Trần Hoàng	Lan	10/01/2002	20.G4.NN23		
17	600407	20040906	Trần Hương	Lan	05/01/2002	20.G5.NN23		
18	600408	20040907	Đàm Cao	Nguyên	28/09/2002	20.G5.NN23		
19	600409	20040908	Hoàng Đức	Linh	31/08/2002	20.G3.NN23		
20	600410	20040911	Nguyễn Phương	Linh	05/11/2001	20.G2.NN23		
21	600411	20040912	Nguyễn Trần Diệu	Linh	16/12/2002	20.G3.NN23		
22	600412	20040913	Phạm Thúy	Linh	31/10/2002	20.G4.NN23		
23	600413	20040915	Nguyễn Thành	Long	28/04/2002	20.G5.NN23		
24	600414	20040916	Nguyễn Cẩm	Ly	23/10/2002	20.G2.NN23		
25	600415	20040919	Đoàn Quỳnh	Mai	09/10/2002	20.G4.NN23		
26	600416	20040920	Nguyễn Ngọc	Minh	28/11/2002	20.G5.NN23		
27	600417	20040921	Trần Đình Quang	Minh	20/11/2002	20.G2.NN23		
28	600418	20040922	Nguyễn Thảo	My	19/11/2002	20.G3.NN23		
29	600419	20040924	Trần Thị Hằng	Nga	18/08/2002	20.G4.NN23		
30	600420	20040926	Vũ Thế	Nghĩa	29/09/2002	20.G2.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600421	20040927	Nguyễn Như Ngọc	14/07/2002	20.G3.NN23		
2	600422	20040928	Trần Văn Hoàng Ngọc	14/09/2002	20.G4.NN23		
3	600423	20040929	Đặng Thị Yên Nhi	05/09/2002	20.K3.NN23		
4	600424	20040930	Bùi Bích Nguyệt	11/10/2002	20.G5.NN23		
5	600425	20040931	Chu Thị Bích Nguyệt	16/11/2002	20.G2.NN23		
6	600426	20040932	Đồng Thị Nhuận	30/06/2002	20.G3.NN23		
7	600427	20040933	Nguyễn Thị Hồng Nhung	21/10/2002	20.G4.NN23		
8	600428	20040935	Nguyễn Thị Kiều Oanh	03/04/2002	20.G2.NN23		
9	600429	20040936	Nguyễn Sỹ Phong	08/10/2002	20.G3.NN23		
10	600430	20040937	Đinh Thị Phương	17/08/2002	20.G4.NN23		
11	600431	20040938	Phạm Thị Lan Nhi	18/02/2002	20.C7.NN23		
12	600432	20040940	Bùi Minh Quân	17/11/2002	20.G2.NN23		
13	600433	20040941	Quản Nguyễn Uyên Nhi	28/04/2002	20.C6.NN23		
14	600434	20040942	Nguyễn Thu Quỳnh	01/03/2002	20.G4.NN23		
15	600435	20040945	Vũ Thị Diễm Quỳnh	22/10/2002	20.G5.NN23		
16	600436	20040946	Nguyễn Thị Hà Thanh	14/03/2002	20.G2.NN23		
17	600437	20040947	Bùi Phương Thảo	20/09/2002	20.G3.NN23		
18	600438	20040949	Đỗ Phương Thảo	14/11/2002	20.G5.NN23		
19	600439	20040950	Nguyễn Thị Thảo	28/01/2002	20.G2.NN23		
20	600440	20040951	Nguyễn Thu Thảo	13/09/2002	20.G3.NN23		
21	600441	20040952	Đào Thanh Nhung	26/07/2002	20.F4.NN23		
22	600442	20040953	Đào Thị Hồng Nhung	10/04/2002	20.J1.SP		
23	600443	20040955	Đoàn Thị Hồng Nhung	17/10/2002	20.K3.NN23		
24	600444	20040956	Quảng Thị Thủy	26/12/2002	20.G4.NN23		
25	600445	20040958	Lê Minh Thư	23/04/2002	20.G2.NN23		
26	600446	20040960	Nguyễn Hồng Nhung	01/10/2002	20.C6.NN23		
27	600447	20040961	Hà Thu Trang	06/04/2002	20.G4.NN23		
28	600448	20040962	Hoàng Thị Huyền Trang	27/08/2002	20.G5.NN23		
29	600449	20040963	Lê Thị Thùy Trang	14/04/2002	20.G2.NN23		
30	600450	20040964	Nguyễn Thùy Trang	12/09/2002	20.G3.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600451	20040965	Trần Thị Tuyết	Nhung	07/10/2002	20.C6.NN23		
2	600452	20040967	Vương Thị Tuyết	Nhung	16/10/2002	20.K5.NN23		
3	600453	20040969	Trần Thị Thu	Trang	19/10/2002	20.G4.NN23		
4	600454	20040970	Nguyễn An	Ninh	25/08/2002	20.F3.NN23		
5	600455	20040972	Nguyễn Hữu	Vân	02/11/2002	20.G2.NN23		
6	600456	20040973	Trần Thúy	Vân	05/01/2002	20.G3.NN23		
7	600457	20040974	Nguyễn Thị	Yến	05/04/2002	20.G4.NN23		
8	600458	20040975	Nguyễn Thành	An	30/07/2001	20.J2.NN23		
9	600459	20040976	Vũ Mạnh	An	01/09/2002	20.J3.NN23		
10	600460	20040977	Dương Phương	Anh	16/11/2002	20.J4.NN23		
11	600461	20040978	Nguyễn Hồng	Phúc	22/06/2002	20.K4.NN23		
12	600462	20040979	Hà Thị Vân	Anh	01/04/2002	20.J6.NN23		
13	600463	20040980	Hoàng Minh	Anh	30/03/2002	20.J7.NN23		
14	600464	20040981	Lê Hoài Thu	Anh	10/11/2002	20.J8.NN23		
15	600465	20040982	Lê Thị Hải	Anh	10/01/2002	20.J2.NN23		
16	600466	20040983	Ngô Hồng	Anh	26/10/2002	20.J3.NN23		
17	600467	20040984	Nguyễn Phương	Anh	08/09/2002	20.J4.NN23		
18	600468	20040985	Nguyễn Phương	Anh	18/11/2002	20.J6.NN23		
19	600469	20040986	Nguyễn Phương	Anh	01/03/2002	20.J5.NN23		
20	600470	20040987	Nguyễn Thị Diệu	Anh	05/10/2002	20.J7.NN23		
21	600471	20040988	Trương Thị Ngọc	Anh	03/11/2002	20.J8.NN23		
22	600472	20040989	Vũ Ngọc	Anh	16/12/2002	20.J2.NN23		
23	600473	20040990	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/09/2002	20.J3.NN23		
24	600474	20040991	Nguyễn Diệu	Ánh	30/11/2002	20.J4.NN23		
25	600475	20040992	Nguyễn Ngọc	Ánh	27/05/2002	20.J5.NN23		
26	600476	20040993	Vũ Thị	Bích	04/07/2002	20.J6.NN23		
27	600477	20040994	Nguyễn Ngọc	Bình	22/07/2002	20.J7.NN23		
28	600478	20040996	Đỗ Minh	Châu	06/11/2002	20.J2.NN23		
29	600479	20040997	Nguyễn Vũ Minh	Châu	10/12/2002	20.J3.NN23		
30	600480	20040998	Phan Thị Linh	Châu	26/09/2002	20.J4.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600481	20040999	Hoàng Thị Mai Chi	16/10/2002	20.J5.NN23		
2	600482	20041001	Hoàng Mạnh Hà	21/04/2002	20.J7.NN23		
3	600483	20041002	Lã Hoàng Hà	07/08/2002	20.J8.NN23		
4	600484	20041004	Đỗ Diệu Hằng	16/09/2002	20.J2.NN23		
5	600485	20041005	Nguyễn Thị Thanh Hằng	02/04/2002	20.J3.NN23		
6	600486	20041006	Phạm Thị Hân	01/02/2002	20.J4.NN23		
7	600487	20041007	Đỗ Hiền Hậu	30/05/2002	20.J5.NN23		
8	600488	20041008	Tạ Thị Thu Hiền	23/09/2002	20.J6.NN23		
9	600489	20041009	Trịnh Thị Hiền	02/10/2002	20.J7.NN23		
10	600490	20041010	Lê Thị Hoa	21/12/2002	20.J8.NN23		
11	600491	20041012	Nguyễn Thị Hồng	08/01/2002	20.J3.NN23		
12	600492	20041013	Nguyễn Thị Thu Hồng	26/08/2002	20.J4.NN23		
13	600493	20041014	Đồng Thị Huế	27/07/2001	20.J5.NN23		
14	600494	20041015	Nguyễn Đình Huy	20/01/2002	20.J6.NN23		
15	600495	20041016	Ngô Khánh Huyền	19/12/2002	20.J7.NN23		
16	600496	20041018	Triệu Thị Huyền	04/08/2002	20.J2.NN23		
17	600497	20041019	Trần Thanh Huyền	18/11/2002	20.J3.NN23		
18	600498	20041020	Bùi Duy Hưng	01/02/2002	20.J4.NN23		
19	600499	20041022	Nguyễn Thị Linh Phương	25/12/2002	20.C1.SP		
20	600500	20041024	Bùi Việt Linh	08/11/2002	20.J8.NN23		
21	600501	20041025	Chu Thị Mỹ Linh	14/10/2002	20.J2.NN23		
22	600502	20041026	Dương Khánh Linh	08/06/2002	20.J3.NN23		
23	600503	20041027	Dương Phương Linh	19/08/2002	20.J4.NN23		
24	600504	20041029	Đàm Thùy Linh	02/04/2002	20.J6.NN23		
25	600505	20041030	Thân Thị Lan Phương	17/04/2002	20.K4.NN23		
26	600506	20041031	Lê Vương Phương Linh	18/07/2002	20.J8.NN23		
27	600507	20041033	Nguyễn Phương Linh	18/08/2002	20.J2.NN23		
28	600508	20041035	Nguyễn Thị Ngọc Linh	23/10/2002	20.J3.NN23		
29	600509	20041036	Nguyễn Thị Thùy Linh	02/12/2001	20.J4.NN23		
30	600510	20041037	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/10/2002	20.J5.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600511	20041038	Nguyễn Thùy Linh	28/03/2002	20.J6.NN23		
2	600512	20041039	Đỗ Đức Phương	16/04/2002	20.C7.NN23		
3	600513	20041040	Phạm Thùy Linh	29/04/1994	20.J8.NN23		
4	600514	20041042	Vũ Mỹ Linh	25/08/2002	20.J2.NN23		
5	600515	20041045	Hà Thị Tuyết Mai	05/01/2002	20.J3.NN23		
6	600516	20041046	Hoàng Lê Ngọc Mai	30/05/2002	20.J4.NN23		
7	600517	20041047	Đỗ Hồng Quang	21/04/2002	20.J8.NN23		
8	600518	20041048	Nguyễn Vũ Quỳnh Mai	21/09/2002	20.J6.NN23		
9	600519	20041049	Tăng Thị Mai	15/10/2002	20.J7.NN23		
10	600520	20041051	Nguyễn Vũ Hà My	04/11/2002	20.J2.NN23		
11	600521	20041052	Vi Hồng My	12/03/2002	20.J3.NN23		
12	600522	20041053	Vũ Hà My	24/09/2002	20.J4.NN23		
13	600523	20041055	Phạm Thị Việt Nga	08/02/2002	20.J6.NN23		
14	600524	20041056	Vũ Quỳnh Nga	07/03/2002	20.J7.NN23		
15	600525	20041057	Vũ Thị Nga	08/11/2002	20.J8.NN23		
16	600526	20041059	Đình Như Ngọc	04/10/2002	20.J3.NN23		
17	600527	20041060	Lê Bích Ngọc	27/12/2001	20.J4.NN23		
18	600528	20041062	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	24/07/2002	20.J6.NN23		
19	600529	20041063	Trần Văn Nhật	28/07/2002	20.J7.NN23		
20	600530	20041064	Đỗ Kiều Oanh	27/03/2002	20.J8.NN23		
21	600531	20041065	Hà Thu Oanh	11/08/2002	20.J2.NN23		
22	600532	20041066	Nông Thị Kiều Oanh	04/08/2002	20.J3.NN23		
23	600533	20041067	Bùi Thu Phương	17/07/2002	20.J4.NN23		
24	600534	20041069	Nguyễn Minh Phương	17/01/2002	20.J6.NN23		
25	600535	20041071	Nguyễn Thị Phương	19/03/2002	20.J8.NN23		
26	600536	20041072	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	19/10/2002	20.K5.NN23		
27	600537	20041073	Phạm Xuân Quang	27/01/2002	20.J3.NN23		
28	600538	20041074	Nguyễn Thị Quyên	26/08/2002	20.J4.NN23		
29	600539	20041075	Nguyễn Thị Như Quỳnh	18/10/2002	20.K6.NN23		
30	600540	20041076	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	03/11/2002	20.C7.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600541	20041077	Nguyễn Thị Quỳnh	16/11/2002	20.J7.NN23		
2	600542	20041079	Nguyễn Vũ Nhật Quỳnh	24/03/2002	20.J2.NN23		
3	600543	20041080	Nguyễn Thị Sim	03/11/2002	20.J3.NN23		
4	600544	20041081	Nguyễn Diệu Tâm	04/10/2002	20.J4.NN23		
5	600545	20041082	Lộc Phương Thanh	25/03/2002	20.J5.NN23		
6	600546	20041083	Đào Đặng Chi Thành	02/02/2002	20.J6.NN23		
7	600547	20041084	Đỗ Phương Thảo	20/11/2002	20.J7.NN23		
8	600548	20041085	Đào Thị Thảo	27/11/2002	20.J8.NN23		
9	600549	20041087	Nguyễn Thị Thảo	17/06/2002	20.J2.NN23		
10	600550	20041088	Phí Thị Thu Thảo	08/06/2002	20.J3.NN23		
11	600551	20041089	Khổng Phương Thúy	27/03/2002	20.J4.NN23		
12	600552	20041090	Tạ Minh Thư	25/10/2002	20.J5.NN23		
13	600553	20041091	Vũ Đức Toàn	16/07/2000	20.J6.NN23		
14	600554	20041092	Lê Hương Trà	20/09/2002	20.J7.NN23		
15	600555	20041094	Vũ Hương Trà	21/01/2002	20.J2.NN23		
16	600556	20041095	Nguyễn Thị Thắm	19/05/2002	20.J1.SP		
17	600557	20041097	Phạm Hùng Thắng	01/03/2002	20.G3.NN23		
18	600558	20041098	Phạm Kiều Trang	03/03/2002	20.J6.NN23		
19	600559	20041100	Vũ Khánh Trang	02/07/2002	20.J8.NN23		
20	600560	20041101	Vũ Thị Hà Trang	31/05/2002	20.J2.NN23		
21	600561	20041102	Vũ Thu Trang	22/01/2002	20.J4.NN23		
22	600562	20041103	Vũ Thu Trang	21/05/2002	20.J3.NN23		
23	600563	20041105	Nguyễn Hương Tú	13/11/2002	20.J6.NN23		
24	600564	20041106	Bùi Hương Thảo	14/06/2002	20.K7.NN23		
25	600565	20041107	Hoàng Thanh Tuyền	05/09/2002	20.J8.NN23		
26	600566	20041108	Nguyễn Thanh Vân	23/07/2002	20.J2.NN23		
27	600567	20041109	Nguyễn Thu Vân	07/07/2002	20.J3.NN23		
28	600568	20041110	Bùi Trần Phương Thảo	06/08/2002	20.J3.NN23		
29	600569	20041111	Đặng Thị Vân Thảo	22/04/2002	20.K8.NN23		
30	600570	20041112	Hoàng Xuân Yến	18/09/2002	20.J6.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600571	20041113	Nguyễn Hoàng An	22/12/2002	20.K2.NN23		
2	600572	20041114	Dương Ngọc Quỳnh Anh	15/12/2002	20.K3.NN23		
3	600573	20041115	Đỗ Hà Anh	27/09/2002	20.K4.NN23		
4	600574	20041116	Đinh Hồng Anh	05/11/2002	20.K5.NN23		
5	600575	20041117	Lê Quỳnh Anh	04/04/2002	20.K6.NN23		
6	600576	20041118	Lưu Thị Nga Anh	17/03/2002	20.K7.NN23		
7	600577	20041119	Khổng Phương Thảo	07/04/2002	20.K7.NN23		
8	600578	20041120	Nguyễn Thị Lan Anh	06/08/2002	20.K3.NN23		
9	600579	20041121	Nguyễn Thị Lan Anh	16/08/2002	20.K2.NN23		
10	600580	20041123	Lưu Thanh Thảo	26/10/2002	20.K6.NN23		
11	600581	20041124	Nguyễn Thị Phương Anh	25/06/2002	20.K5.NN23		
12	600582	20041125	Nguyễn Thị Tâm Anh	23/06/2002	20.K7.NN23		
13	600583	20041126	Phạm Thị Lan Anh	19/10/2002	20.K8.NN23		
14	600584	20041127	Nguyễn Diệu Thảo	17/06/2002	20.C7.NN23		
15	600585	20041128	Trần Hà Anh	24/12/2002	20.K3.NN23		
16	600586	20041129	Trịnh Thị Lan Anh	03/09/2002	20.K4.NN23		
17	600587	20041130	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/07/2002	20.K5.NN23		
18	600588	20041131	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	25/07/2002	20.K6.NN23		
19	600589	20041132	Phạm Ngọc Ánh	10/09/2002	20.K7.NN23		
20	600590	20041135	Vũ Ngọc Châu	18/02/2002	20.K2.NN23		
21	600591	20041136	Nguyễn Khánh Chi	01/09/2002	20.K3.NN23		
22	600592	20041137	Nguyễn Linh Chi	12/03/2002	20.K4.NN23		
23	600593	20041139	Trần Thị Kim Cúc	19/07/2002	20.K6.NN23		
24	600594	20041140	Nguyễn Hồng Diễm	02/02/2002	20.K7.NN23		
25	600595	20041141	Tô Phương Dung	23/04/2002	20.K8.NN23		
26	600596	20041142	Nhữ Đình Dương	03/05/2002	20.K2.NN23		
27	600597	20041143	Phạm Ánh Dương	14/07/2002	20.K3.NN23		
28	600598	20041144	Lê Thành Đạt	28/12/2002	20.K4.NN23		
29	600599	20041145	Ngô Thành Đạt	08/02/2002	20.K5.NN23		
30	600600	20041147	Đỗ Lê Giang	11/01/2002	20.K7.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600601	20041148	Lê Thị Giang	26/02/2002	20.K8.NN23		
2	600602	20041149	Nguyễn Hoàng Giang	29/11/2002	20.K2.NN23		
3	600603	20041150	Nguyễn Ngọc Châu Giang	10/11/2002	20.K3.NN23		
4	600604	20041151	Ngô Nguyên Hà	30/12/2002	20.K4.NN23		
5	600605	20041152	Chu Thị Thu Hằng	08/05/2002	20.K5.NN23		
6	600606	20041153	Nguyễn Thu Hằng	11/10/2002	20.K6.NN23		
7	600607	20041154	Trần Thị Ngọc Thảo	29/01/2002	20.K1.SP		
8	600608	20041155	Lê Phương Hoa	19/11/2002	20.K8.NN23		
9	600609	20041156	Trần Thị Phương Thảo	25/06/2000	20.J6.NN23		
10	600610	20041157	Lê Thị Ngọc Hoài	25/08/2002	20.K3.NN23		
11	600611	20041158	Trần Thị Thanh Thảo	20/01/2002	20.J1.SP		
12	600612	20041159	Phạm Thị Khánh Huyền	02/10/2002	20.K5.NN23		
13	600613	20041160	Đàm Mai Huyền	22/06/2002	20.K6.NN23		
14	600614	20041162	Lương Thị Thanh Huyền	24/03/2002	20.K8.NN23		
15	600615	20041163	Khúc Thị Anh Thi	24/11/2002	20.C8.NN23		
16	600616	20041165	Phạm Thị Huyền	07/10/2002	20.K4.NN23		
17	600617	20041166	Đặng Cường Thịnh	27/10/2002	20.F1.NN23		
18	600618	20041167	Lại Khắc Hưng	11/12/2002	20.K6.NN23		
19	600619	20041168	Bùi Thị Thanh Hương	28/09/2002	20.K7.NN23		
20	600620	20041169	Bùi Thị Anh Thơ	02/05/2002	20.K8.NN23		
21	600621	20041170	Thân Thị Mai Hương	23/12/2002	20.K2.NN23		
22	600622	20041171	Trần Mai Hương	19/01/2002	20.K3.NN23		
23	600623	20041172	Nguyễn Thị Tuyết Liên	14/08/2002	20.K4.NN23		
24	600624	20041173	Bùi Diệu Linh	10/10/2002	20.K5.NN23		
25	600625	20041174	Cao Thùy Linh	08/01/2002	20.K6.NN23		
26	600626	20041175	Đỗ Hoàng Khánh Linh	01/07/2002	20.K7.NN23		
27	600627	20041176	Đặng Thị Mỹ Linh	11/02/2002	20.K8.NN23		
28	600628	20041177	Hà Huyền Linh	17/11/2002	20.K2.NN23		
29	600629	20041178	Hoàng Thị Thùy Linh	20/08/2002	20.K3.NN23		
30	600630	20041179	Nguyễn Giao Linh	17/06/2002	20.K4.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600631	20041180	Nguyễn Lê Diệu Linh	01/06/2002	20.K5.NN23		
2	600632	20041181	Nguyễn Thị Diệu Linh	30/04/2002	20.K6.NN23		
3	600633	20041183	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/10/2002	20.K8.NN23		
4	600634	20041184	Nguyễn Trần Phương Linh	15/08/2002	20.K2.NN23		
5	600635	20041185	Trần Thị Thùy Linh	01/07/2002	20.K3.NN23		
6	600636	20041186	Nguyễn Thị Loan	31/12/2002	20.K4.NN23		
7	600637	20041187	Vũ Minh Loan	20/04/2002	20.K5.NN23		
8	600638	20041189	Nguyễn Thị Thanh Thương	03/11/2002	20.J5.NN23		
9	600639	20041190	Trần Diệu Ly	26/03/2002	20.K8.NN23		
10	600640	20041191	Phạm Thị Nguyệt Minh	14/10/2002	20.K2.NN23		
11	600641	20041192	Trần Thị Lê Na	18/12/2002	20.K3.NN23		
12	600642	20041193	Đoàn Thu Ngân	15/06/2002	20.K4.NN23		
13	600643	20041194	Ngô Hồng Ngọc	28/11/2002	20.K5.NN23		
14	600644	20041195	Lê Thanh Thúy	25/01/2002	20.K1.SP		
15	600645	20041198	Nguyễn Phương Nhi	09/01/2002	20.K8.NN23		
16	600646	20041199	Trịnh Thị Minh Thúy	10/11/2002	20.J2.NN23		
17	600647	20041200	Vũ Minh Thúy	20/08/2002	20.K6.NN23		
18	600648	20041201	Nguyễn Phương Nhung	02/11/2002	20.K4.NN23		
19	600649	20041202	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	18/09/2002	20.K5.NN23		
20	600650	20041204	Nguyễn Thị Ninh	22/09/2001	20.K7.NN23		
21	600651	20041205	Nguyễn Thị Minh Thủy	19/04/2002	20.K1.SP		
22	600652	20041206	Đỗ Đình Phúc	04/11/2002	20.K2.NN23		
23	600653	20041207	Phạm Hải Mai Thủy	28/10/2002	20.J8.NN23		
24	600654	20041208	Lã Thị Minh Phương	02/11/2002	20.K4.NN23		
25	600655	20041209	Lương Thu Phương	26/06/2002	20.K5.NN23		
26	600656	20041210	Nguyễn Thị Hà Phương	03/11/2002	20.K6.NN23		
27	600657	20041211	Nguyễn Thị Hà Phương	06/10/2002	20.K7.NN23		
28	600658	20041212	Phạm Thị Phương	06/08/2002	20.K8.NN23		
29	600659	20041216	Hoàng Thúy Quỳnh	24/06/2002	20.K4.NN23		
30	600660	20041217	Nguyễn Đỗ Ngọc Quỳnh	20/12/2002	20.K5.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600661	20041218	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	01/03/2002	20.K6.NN23		
2	600662	20041219	Dương Tuệ Tâm	02/01/2002	20.K8.NN23		
3	600663	20041220	Ngân Thu Trà	08/10/2002	20.K5.NN23		
4	600664	20041221	Đào Phương Thảo	16/11/2002	20.K8.NN23		
5	600665	20041222	Hoàng Thị Phương Thảo	22/09/2002	20.K2.NN23		
6	600666	20041223	Nguyễn Phương Thảo	25/12/2002	20.K4.NN23		
7	600667	20041224	Nguyễn Phương Thảo	25/03/2002	20.K5.NN23		
8	600668	20041226	Nguyễn Thị Thảo	27/09/2002	20.K6.NN23		
9	600669	20041227	Phạm Thị Phương Thảo	07/06/2002	20.K7.NN23		
10	600670	20041228	Trần Thị Thảo	20/12/2002	20.K8.NN23		
11	600671	20041229	Hoàng Thị Hương Thu	04/12/2002	20.K2.NN23		
12	600672	20041230	Bùi Quỳnh Trang	27/08/2002	20.K2.NN23		
13	600673	20041231	Nguyễn Thị Thu	05/01/2002	20.K4.NN23		
14	600674	20041232	Bùi Thu Trang	26/12/2002	20.K6.NN23		
15	600675	20041234	Lại Trịnh Thu Trà	14/12/2002	20.K7.NN23		
16	600676	20041235	Lê Thị Huyền Trang	17/12/2002	20.K8.NN23		
17	600677	20041236	Nguyễn Thị Kiều Trang	26/02/2002	20.K2.NN23		
18	600678	20041237	Đỗ Phan Thùy Trang	03/04/2002	20.K2.NN23		
19	600679	20041239	Phạm Thu Trang	17/12/2002	20.K4.NN23		
20	600680	20041240	Hoàng Phương Trang	08/09/2002	20.K8.NN23		
21	600681	20041241	Hoàng Quỳnh Trang	19/01/2002	20.K7.NN23		
22	600682	20041243	Nguyễn Thị Hồng Vân	03/03/2002	20.K8.NN23		
23	600683	20041244	Nguyễn Thảo Vân	14/11/2002	20.K2.NN23		
24	600684	20041246	Hoàng Thu Trang	27/08/2002	20.J5.NN23		
25	600685	20041247	Lý Thị Yến	21/10/2002	20.K5.NN23		
26	600686	20041248	Nguyễn Thị Bảo Yến	17/11/2002	20.K6.NN23		
27	600687	20041252	Nguyễn Thị Lan Anh	23/10/2002	20.A1.NN		
28	600688	20041253	Trần Lan Anh	13/12/2002	20.A1.NN		
29	600689	20041254	Lưu Huyền Trang	19/05/2002	20.K6.NN23		
30	600690	20041255	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	26/11/2002	20.A1.NN		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600691	20041256	Ma Thị	Trang	01/09/2002	20.J1.SP		
2	600692	20041257	Đình Thành	Đạt	10/05/2002	20.A1.NN		
3	600693	20041259	Vũ Đại	Đắc	26/11/2002	20.A1.NN		
4	600694	20041260	Phạm Thu	Hằng	10/09/2002	20.A1.NN		
5	600695	20041261	Lâu Thị Mỹ	Hoà	06/05/2002	20.A1.NN		
6	600696	20041265	Vũ Thị	Mai	09/04/2002	20.A1.NN		
7	600697	20041266	Nguyễn Minh	Nghĩa	07/12/2002	20.A1.NN		
8	600698	20041267	Lâm Hồng	Ngọc	03/06/2001	20.A1.NN		
9	600699	20041270	Nguyễn Hồng	Phúc	21/06/2002	20.A1.NN		
10	600700	20041271	Nguyễn Hà	Phương	03/04/2002	20.A1.NN		
11	600701	20041272	Nguyễn Thị Thu	Trang	03/11/2002	20.G2.NN23		
12	600702	20041275	Nguyễn Thị Thùy	Trang	26/08/2002	20.C8.NN23		
13	600703	20041276	Đoàn Thị Thu	Trang	22/11/2000	20.A1.NN		
14	600704	20041278	Nguyễn Thị Kiều	Trang	05/03/2002	20.A1.NN		
15	600705	20041281	Trần Đoàn Thảo	Vy	03/02/1999	20.A1.NN		
16	600706	20041282	Phạm Hà	Trang	16/09/2002	20.C7.NN23		
17	600707	20041295	Trịnh Thị Quỳnh	Trang	16/05/2002	20.C8.NN23		
18	600708	20041308	Lê Đức	Trung	01/08/2002	20.F4.NN23		
19	600709	20041310	Nguyễn Hữu	Trường	21/03/2002	20.R2.NN		
20	600710	20041311	Đào Cẩm	Tú	09/02/2002	20.K2.NN23		
21	600711	20041320	Đình Minh	Tuấn	05/12/2002	20.J7.NN23		
22	600712	20041333	Đặng Nguyễn Tú	Uyên	18/04/2002	20.R1.NN		
23	600713	20041336	Hà Ngọc	Chi	24/06/2002	20.C1.SP		
24	600714	20041339	Nguyễn Ngọc	Dung	30/08/2002	20.C1.SP		
25	600715	20041340	Phạm Đắc	Nghĩa	14/11/2001	20.C1.SP		
26	600716	20041341	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	11/11/2002	20.C1.SP		
27	600717	20041342	Đào Thị Xuân	Phương	10/02/2002	20.C1.SP		
28	600718	20041344	Nguyễn Thu	Uyên	21/11/2002	20.J2.NN23		
29	600719	20041346	Nguyễn Tú	Uyên	27/12/2002	20.K8.NN23		
30	600720	20041347	Vũ Trúc	Quỳnh	16/11/2002	20.C1.SP		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600721	20041348	Nguyễn Long	Vũ	11/03/2002	20.C1.SP		
2	600722	20041349	Lê Thị Phương	Anh	10/01/2002	20.G1.SP		
3	600723	20041351	Đinh Thị Cẩm	Vân	26/02/2002	20.K2.NN23		
4	600724	20041352	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	08/09/2002	20.G1.SP		
5	600725	20041353	Trịnh Bảo	Châu	01/02/2000	20.G1.SP		
6	600726	20041356	Bùi Thị	Quỳnh	23/01/2001	20.G1.SP		
7	600727	20041357	Đỗ Vũ Trúc	Quỳnh	27/11/2002	20.G1.SP		
8	600728	20041358	Nguyễn Diệu Hoài	Thương	27/08/2002	20.G1.SP		
9	600729	20041359	Nguyễn Thị	Vân	21/03/2002	20.C8.NN23		
10	600730	20041360	Lưu Ngọc	Trâm	17/02/2002	20.G1.SP		
11	600731	20041361	Nguyễn Lê Hoàng	Uyên	21/11/2002	20.G1.SP		
12	600732	20041362	Nguyễn Hà	Vân	15/05/2002	20.G1.SP		
13	600733	20041363	Đỗ Lê	Vi	09/07/2002	20.G1.SP		
14	600734	20041365	Cao Minh	Nguyệt	06/08/2002	20.J1.SP		
15	600735	20041366	Nguyễn Hà	Phương	20/08/2002	20.J1.SP		
16	600736	20041367	Vũ Thị Như	Quỳnh	12/09/2002	20.J1.SP		
17	600737	20041368	Bùi Thị Phương	Thảo	01/01/2001	20.J1.SP		
18	600738	20041369	Nguyễn Thu	Thảo	25/06/2002	20.J1.SP		
19	600739	20041370	Dương Thị	Thương	28/11/2002	20.J1.SP		
20	600740	20041371	Phạm Thùy	Linh	08/12/2002	20.K1.SP		
21	600741	20041372	Bùi Thị Yến	Nhi	21/07/2002	20.K1.SP		
22	600742	20041383	Nguyễn Diệu	Vy	20/03/2002	20.J6.NN23		
23	600743	20041387	Bùi Vũ Vạn	Xuân	19/03/2002	20.K8.NN23		
24	600744	20041483	Dương Thị Lan	Anh	25/11/2002	20.R2.NN		
25	600745	20041484	Vũ Thùy	Dương	03/08/2002	20.R3.NN		
26	600746	20041485	Lê Huy	Đạt	13/06/2002	20.R1.NN		
27	600747	20041486	Nguyễn Khánh	Hà	07/11/2000	20.R1.NN		
28	600748	20041487	Trần Thu	Hà	28/07/2002	20.R2.NN		
29	600749	20041488	Vũ Ngọc	Hà	20/08/2002	20.R3.NN		
30	600750	20041489	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	11/02/2001	20.R3.NN		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600751	20041491	Đỗ Duy Hưng	19/07/2002	20.R1.NN		
2	600752	20041492	Dương Thị Hương	13/02/2002	20.R2.NN		
3	600753	20041493	Đặng Ngọc Khánh	02/11/2002	20.R3.NN		
4	600754	20041494	Nguyễn Hồng Khánh Linh	24/11/2002	20.R1.NN		
5	600755	20041495	Phạm Ngọc Tuyết Mai	26/01/2002	20.R1.NN		
6	600756	20041498	Phùng Bích Ngọc	26/11/2001	20.R1.NN		
7	600757	20041499	Ngô Hoài Thanh	14/03/2002	20.R1.NN		
8	600758	20041500	Đoàn Thị Phương Thảo	16/07/2002	20.R3.NN		
9	600759	20041501	Nguyễn Ngọc Hương Thảo	27/12/2002	20.R1.NN		
10	600760	20041502	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/03/2002	20.R2.NN		
11	600761	20041503	Nguyễn Thị Thảo	17/01/2002	20.R3.NN		
12	600762	20041505	Nguyễn Thị Thu Trang	09/11/2002	20.R3.NN		
13	600763	20041506	Tạ Nhật Vinh	03/07/2002	20.R3.NN		
14	600764	20041507	Trần Thúy An	13/11/2002	20.F2.NN23		
15	600765	20041510	Nguyễn Thị Vân Anh	01/04/2002	20.F2.NN23		
16	600766	20041511	Trần Ngọc Anh	25/07/2002	20.F4.NN23		
17	600767	20041512	Trương Tuấn Anh	09/01/2002	20.F1.NN23		
18	600768	20041513	Đỗ Nhật Ánh	12/06/2002	20.F2.NN23		
19	600769	20041514	Trịnh Thị Thu Ánh	06/12/2002	20.F4.NN23		
20	600770	20041515	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	09/12/2002	20.F5.NN23		
21	600771	20041516	Nguyễn Nhật Tuấn Đức	04/11/2002	20.F2.NN23		
22	600772	20041517	Vũ Thị Hiền	11/03/2002	20.F2.NN23		
23	600773	20041518	Nguyễn Quang Huy	02/06/2002	20.F5.NN23		
24	600774	20041519	Nguyễn Khánh Huyền	31/03/2002	20.F1.NN23		
25	600775	20041520	Nguyễn Thị Huyền	13/12/2002	20.F3.NN23		
26	600776	20041521	Nguyễn Thị Thu Huyền	24/10/2002	20.F2.NN23		
27	600777	20041522	Vũ Mai Hương	13/11/2002	20.F3.NN23		
28	600778	20041523	Nguyễn Thị Hường	05/03/2002	20.F4.NN23		
29	600779	20041524	Nguyễn Thị Lan	11/03/2002	20.F4.NN23		
30	600780	20041525	Nguyễn Hoàng Tùng Linh	27/02/2002	20.F4.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600781	20041526	Nguyễn Quỳnh	Mai	03/09/2002	20.F4.NN23		
2	600782	20041527	Nguyễn Thu	Nga	03/09/2002	20.F2.NN23		
3	600783	20041528	Nguyễn Bảo	Ngọc	10/11/2002	20.F1.NN23		
4	600784	20041529	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/09/2002	20.F2.NN23		
5	600785	20041530	Phạm Thị	Oanh	27/03/2002	20.F5.NN23		
6	600786	20041531	Phùng Thị Kim	Oanh	07/12/2002	20.F1.NN23		
7	600787	20041532	Phạm Thị	Phương	28/07/2002	20.F2.NN23		
8	600788	20041533	Giang Hồng	Phượng	14/07/2002	20.F3.NN23		
9	600789	20041534	Phạm Phong	Son	14/04/2002	20.F3.NN23		
10	600790	20041535	Nguyễn Thanh	Tâm	19/04/2002	20.F4.NN23		
11	600791	20041536	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	25/12/2002	20.F1.NN23		
12	600792	20041537	Nông Huyền	Trang	07/08/2000	20.F2.NN23		
13	600793	20041538	Nguyễn Ngọc	Trân	18/08/2002	20.F2.NN23		
14	600794	20041539	Phạm Thị Thu	Uyên	11/11/2001	20.F4.NN23		
15	600795	20041540	Trần Đoàn Hải	Yến	17/11/2002	20.F5.NN23		
16	600796	20041541	Đông Thị Tú	Anh	28/01/2002	20.C6.NN23		
17	600797	20041542	Nguyễn Thị Hà	Anh	23/06/2002	20.C2.NN23		
18	600798	20041543	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/07/2002	20.C6.NN23		
19	600799	20041544	Phạm Hoàng	Anh	23/10/2002	20.C3.NN23		
20	600800	20041545	Trần Thị Ngọc	Anh	16/11/2002	20.C7.NN23		
21	600801	20041546	Trần Thị Phương	Anh	18/08/2002	20.C7.NN23		
22	600802	20041547	Nguyễn Thị	Bích	05/01/2002	20.C6.NN23		
23	600803	20041548	Phạm Kim	Chi	05/09/2002	20.C2.NN23		
24	600804	20041549	Nguyễn Thị Thùy	Dung	03/02/2002	20.C8.NN23		
25	600805	20041551	Nguyễn Thị	Hạnh	18/09/2002	20.C6.NN23		
26	600806	20041553	Nịnh Thanh	Lam	29/07/2002	20.C7.NN23		
27	600807	20041554	Doãn Thị Thùy	Linh	17/11/2002	20.C8.NN23		
28	600808	20041555	Phạm Thị Khánh	Linh	03/07/2002	20.C8.NN23		
29	600809	20041556	Trương Hà Khánh	Linh	13/03/2002	20.C7.NN23		
30	600810	20041557	Trần Lệ	Mỹ	03/06/2002	20.C7.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600811	20041558	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	13/06/2002	20.C7.NN23		
2	600812	20041559	Lê Thị Thúy Ngọc	11/09/2002	20.C2.NN23		
3	600813	20041560	Vũ Ánh Ngọc	17/12/2002	20.C3.NN23		
4	600814	20041561	Nguyễn Thị Kim Quý	22/07/2002	20.C2.NN23		
5	600815	20041562	Nguyễn Như Quỳnh	03/05/2002	20.C5.NN23		
6	600816	20041563	Phạm Dương Minh Tâm	09/11/2002	20.C4.NN23		
7	600817	20041565	Lê Thị Thảo	27/10/2002	20.C8.NN23		
8	600818	20041566	Nguyễn Thị Thảo	20/01/2002	20.C7.NN23		
9	600819	20041567	Nguyễn Thị Thủy	13/08/2002	20.C7.NN23		
10	600820	20041568	Nguyễn Thủy Tiên	20/11/2002	20.C2.NN23		
11	600821	20041569	Nguyễn Minh Trang	22/05/2002	20.C3.NN23		
12	600822	20041570	Nguyễn Vũ Quỳnh Trang	13/04/2002	20.C2.NN23		
13	600823	20041571	Tạ Thị Thu Trang	02/12/2002	20.C6.NN23		
14	600824	20041572	Nguyễn Thị Thu Tuyền	26/08/2002	20.C3.NN23		
15	600825	20041573	Nguyễn Thu Uyên	29/01/2002	20.C6.NN23		
16	600826	20041575	Phùng Đăng Mai Anh	21/07/2002	20.G3.NN23		
17	600827	20041576	Lý Gia Bách	18/10/2002	20.G2.NN23		
18	600828	20041577	Lê Thị Bình	29/07/2002	20.G3.NN23		
19	600829	20041578	Nguyễn Ngọc Minh Châu	21/07/2002	20.G5.NN23		
20	600830	20041580	Nguyễn Thị Thu Cúc	07/08/2002	20.G5.NN23		
21	600831	20041581	Nguyễn Ngọc Dung	14/06/2002	20.G3.NN23		
22	600832	20041582	Nguyễn Thị Kim Dung	02/08/2002	20.G4.NN23		
23	600833	20041583	Nguyễn Thùy Dương	31/07/2002	20.G2.NN23		
24	600834	20041584	Phạm Minh Đức	07/07/2002	20.G4.NN23		
25	600835	20041585	Vũ Diệu Hà	24/06/2002	20.G4.NN23		
26	600836	20041586	Phạm Thảo Hiền	17/04/2002	20.G3.NN23		
27	600837	20041587	Nguyễn Thị Thanh Hoa	12/09/2002	20.G5.NN23		
28	600838	20041588	Nguyễn Đức Huy	21/02/2002	20.G2.NN23		
29	600839	20041589	Nguyễn Ngọc Lân	14/02/2002	20.G2.NN23		
30	600840	20041590	Lê Ngọc Linh	15/03/2002	20.G4.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600841	20041591	Nguyễn Ái	Linh	02/08/2002	20.G5.NN23		
2	600842	20041592	Nguyễn Minh	Lý	14/09/2002	20.G3.NN23		
3	600843	20041593	Nguyễn Thị Thúy	Ngà	02/11/2002	20.G5.NN23		
4	600844	20041595	Phạm Ngọc Bội	Như	17/12/2000	20.G5.NN23		
5	600845	20041596	Nguyễn Huyền	Phương	03/11/2002	20.G5.NN23		
6	600846	20041597	Đỗ Hà	Quân	23/11/2002	20.G3.NN23		
7	600847	20041598	Chu Thị Phương	Thảo	23/07/2001	20.G4.NN23		
8	600848	20041599	Trần Thị	Thảo	25/11/2002	20.G4.NN23		
9	600849	20041600	Bùi Thị Anh	Thơ	01/12/2002	20.G5.NN23		
10	600850	20041601	Lương Thị Diệu	Thu	25/02/2002	20.G2.NN23		
11	600851	20041602	Đoàn Thanh	Thủy	20/06/2001	20.G3.NN23		
12	600852	20041603	Lê Thị Phương	Thúy	04/06/2001	20.G5.NN23		
13	600853	20041604	Phạm Thị Hương	Trà	08/11/2002	20.G3.NN23		
14	600854	20041605	Phạm Hà	Trang	25/10/2002	20.G4.NN23		
15	600855	20041606	Phạm Quỳnh	Trang	08/06/2002	20.G5.NN23		
16	600856	20041607	Phạm Thùy	Trang	08/11/2002	20.G2.NN23		
17	600857	20041608	Trần Hoàng	Trang	04/11/2002	20.G3.NN23		
18	600858	20041609	Lại Đức	Trung	11/08/2002	20.G5.NN23		
19	600859	20041610	Đỗ Thị Lan	Anh	29/04/2002	20.J5.NN23		
20	600860	20041611	Cao Đỗ Bảo	Châu	21/12/2002	20.J8.NN23		
21	600861	20041612	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	11/01/2002	20.J6.NN23		
22	600862	20041613	Phạm Thị	Hoài	02/06/2002	20.J2.NN23		
23	600863	20041614	Nguyễn Thị	Huyền	06/07/2002	20.J8.NN23		
24	600864	20041615	Phạm Thảo	Hương	26/09/2002	20.J5.NN23		
25	600865	20041616	Ngô Thu	Hường	07/12/2002	20.J6.NN23		
26	600866	20041617	Đỗ Đức	Khoa	22/06/2002	20.J7.NN23		
27	600867	20041618	Đỗ Phương	Linh	26/11/2002	20.J5.NN23		
28	600868	20041619	Hà Thị Thùy	Linh	24/09/2002	20.J7.NN23		
29	600869	20041620	Phạm Mai	Linh	20/12/2002	20.J7.NN23		
30	600870	20041621	Ngô Nhật	Mai	30/10/2002	20.J5.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600871	20041622	Vũ Thị Nguyệt Minh	15/03/2002	20.J8.NN23		
2	600872	20041623	Tạ Hải Nam	09/03/2002	20.J5.NN23		
3	600873	20041624	Vũ Nguyễn Phương Ngân	27/10/2002	20.J2.NN23		
4	600874	20041625	Nguyễn Minh Ngọc	02/12/2002	20.J5.NN23		
5	600875	20041626	Lê Hiền Phương	11/12/2002	20.J5.NN23		
6	600876	20041627	Nguyễn Thị Phương	12/05/2002	20.J7.NN23		
7	600877	20041628	Phạm Nguyên Phương	06/01/2002	20.J2.NN23		
8	600878	20041629	Đặng Như Quỳnh	02/03/2002	20.J5.NN23		
9	600879	20041630	Nguyễn Ngọc Quỳnh	25/12/2002	20.J6.NN23		
10	600880	20041631	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	20/08/2002	20.J8.NN23		
11	600881	20041632	Đặng Thị Thanh Thảo	25/11/2002	20.J2.NN23		
12	600882	20041633	Lê Thị Thu Trà	09/11/2002	20.J8.NN23		
13	600883	20041634	Nguyễn Huyền Trang	23/02/2002	20.J3.NN23		
14	600884	20041635	Nguyễn Thị Kim Trang	18/10/2002	20.J4.NN23		
15	600885	20041636	Nguyễn Thu Trang	26/05/2002	20.J5.NN23		
16	600886	20041637	Phạm Thu Trang	18/11/2002	20.J7.NN23		
17	600887	20041638	Nguyễn Thanh Trúc	28/05/2002	20.J5.NN23		
18	600888	20041639	Phạm Minh Tuấn	01/12/2001	20.J7.NN23		
19	600889	20041640	Đỗ Chiêu Xuân	11/04/2002	20.J4.NN23		
20	600890	20041641	Trần Thị Thanh Xuân	02/07/2002	20.J5.NN23		
21	600891	20041642	Nguyễn Thị Lan Anh	14/02/2002	20.K8.NN23		
22	600892	20041643	Nguyễn Thị Minh Anh	14/09/2002	20.K4.NN23		
23	600893	20041644	Nguyễn Thị Phương Anh	05/08/2002	20.K6.NN23		
24	600894	20041645	Phạm Thị Mai Anh	04/06/2002	20.K2.NN23		
25	600895	20041646	Dương Thanh Châm	20/11/2002	20.K8.NN23		
26	600896	20041647	Trần Bảo Chi	29/05/2002	20.K5.NN23		
27	600897	20041648	Dương Hương Giang	15/03/2002	20.K6.NN23		
28	600898	20041649	Phạm Thị Khánh Hiền	18/12/2002	20.K7.NN23		
29	600899	20041650	Nguyễn Ngọc Minh Hòa	28/10/2002	20.K2.NN23		
30	600900	20041651	Nguyễn Thị Thu Huế	13/08/2002	20.K4.NN23		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600901	20041652	Lê Khánh Huyền	21/10/2002	20.K7.NN23		
2	600902	20041653	Ngô Minh Huyền	29/07/2002	20.K2.NN23		
3	600903	20041654	Nguyễn Thu Huyền	02/01/2002	20.K3.NN23		
4	600904	20041655	Trần Thu Huyền	30/10/2002	20.K5.NN23		
5	600905	20041656	Lê Thị Mai Hương	03/06/2002	20.K8.NN23		
6	600906	20041657	Nguyễn Thị Phương Linh	07/12/2002	20.K7.NN23		
7	600907	20041658	Vũ Thị Loan	15/03/2002	20.K6.NN23		
8	600908	20041659	Kiều Hương Ly	27/06/2002	20.K7.NN23		
9	600909	20041660	Vũ Khánh Ngọc	17/12/2002	20.K6.NN23		
10	600910	20041661	Phạm Thị Ngọc Nguyên	08/04/2002	20.K7.NN23		
11	600911	20041662	Hà Thị Thu Nguyệt	19/09/2002	20.K7.NN23		
12	600912	20041663	Phạm Thị Nhi	08/09/2002	20.K2.NN23		
13	600913	20041664	Nguyễn Hồng Nhung	12/01/2002	20.K3.NN23		
14	600914	20041665	Trịnh Thị Hồng Nhung	13/10/2002	20.K6.NN23		
15	600915	20041666	Lê Thị Kim Oanh	15/09/2002	20.K8.NN23		
16	600916	20041667	Bàn Thị Phương	23/08/2002	20.K3.NN23		
17	600917	20041668	Trương Thị Bích Phượng	08/04/2002	20.K2.NN23		
18	600918	20041669	Đỗ Thị Thu Quỳnh	13/01/2002	20.K3.NN23		
19	600919	20041670	Nguyễn Phương Thanh	01/11/2002	20.K7.NN23		
20	600920	20041671	Nguyễn Phương Thảo	26/11/2002	20.K3.NN23		
21	600921	20041672	Nguyễn Minh Thu	14/01/2002	20.K3.NN23		
22	600922	20041673	Kiều Hoài Thương	18/10/2002	20.K5.NN23		
23	600923	20041674	Nguyễn Thị Thanh Thương	01/04/2002	20.K6.NN23		
24	600924	20041675	Nguyễn Thị Thu Trang	01/09/2002	20.K3.NN23		
25	600925	20041676	Trần Minh Trang	17/01/2002	20.K5.NN23		
26	600926	20041677	Hoàng Thị Ngọc Trâm	13/01/2002	20.K6.NN23		
27	600927	20041678	Lương Thu Vân	26/12/2002	20.K7.NN23		
28	600928	20041679	Phạm Thị Thúy Vân	12/02/2002	20.K3.NN23		
29	600929	20041680	Nguyễn Ngọc Tường Vy	29/01/2002	20.K4.NN23		
30	600930	20041681	Trương Nguyễn Hải Yến	10/06/2002	20.K7.NN23		
31	600931	20041682	Nguyễn Thị Lan Anh	03/01/2002	20.A1.NN		
32	600932	20041683	Trịnh Minh Anh	02/07/2002	20.A1.NN		
33	600933	20041686	Lê Thị Hoa Hồng	17/04/2002	20.A1.NN		
34	600934	20041687	Nguyễn Thị Khánh Linh	17/03/2002	20.A1.NN		
35	600935	20041688	Hoàng Thanh Mai	06/03/2002	20.A1.NN		
36	600936	20041689	Đặng Thị Diễm Quỳnh	02/02/2002	20.A1.NN		
37	600937	20041690	Nguyễn Thị Quỳnh	27/10/2001	20.A1.NN		
38	600938	20041691	Lê Xuân Thái	04/03/2002	20.A1.NN		
39	600939	20041692	Võ Lê Huyền Trang	05/02/2002	20.A1.NN		
40	600940	20041696	Bé Thị Kim Oanh	30/12/2001	20.C1.SP		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020
TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600941	20041697	Phùng Thúy Hiền	28/06/2001	20.K1.SP		
2	600942	20041698	Nguyễn Thùy Linh	15/10/2001	20.A1.NN		
3	600943	20041721	Lăng Thị Vương	27/05/2001	20.C2.NN23		
4	600944	20041722	Hoàng Quỳnh Chi	12/06/2001	20.C3.NN23		
5	600945	20041723	Lương Việt Tứ	29/03/2001	20.C4.NN23		
6	600946	20041724	Triệu Hoa Huệ	24/06/2001	20.C5.NN23		
7	600947	20041725	Nông Ánh Minh	23/02/2001	20.C6.NN23		
8	600948	20041726	Nguyễn Yến Nhi	09/04/2001	20.C7.NN23		
9	600949	20041727	Hoàng Thị Trang	23/02/2001	20.C8.NN23		
10	600950	20041728	Trương Lê Kiên	23/11/2001	20.C7.NN23		
11	600951	20041729	Bé Thị Hà Quyên	23/08/2001	20.J6.NN23		
12	600952	20041730	Chu Thùy Trang	02/06/2001	20.J7.NN23		
13	600953	20041731	Quách Trí Dũng	04/10/2001	20.J8.NN23		
14	600954	20041733	Hoàng Thị Hiệp	08/04/2001	20.K2.NN23		
15	600955	20041734	Nguyễn Như Quỳnh	05/12/2001	20.K2.NN23		
16	600956	20041736	Nguyễn Văn Công		20.J2.NN23		
17	600957	20041737	Nguyễn Quang Huy		20.J3.NN23		
18	600958	20041738	Bùi Nguyên Duy		20.J4.NN23		
19	600959	20041739	Đặng Thanh Sơn		20.J5.NN23		
20	600960	20041740	Đàm Phú Hưng		20.K4.NN23		
21	600961	20041741	Lê Hoàng Long		20.K5.NN23		
22	600962	20041742	Thiều Sinh Vương		20.F1.NN23		
23	600963	20041743	Nguyễn Văn Hiền		20.F2.NN23		
24	600964	20041744	Nguyễn Văn Tuấn		20.G5.NN23		
25	600965	20041745	Nguyễn Văn Nam		20.R1.NN		
26	600966	20041746	Nguyễn Huy Hưng		20.K6.NN23		
27	600967	19040680	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	17/08/2001	19.G5.NN		
28	600968	18040314	Vũ Thị Mỹ Hoài	12/01/2000	18.K3.SP		
29	600969	18040796	Phạm Ngọc Hân	27/11/2000	18.C7.PD		
30	600970	18040860	Nguyễn Thị Hiền	14/12/2000	18.C7.PD		
31	600971	18040847	Hoàng Thị Nga	15/08/2000	18.C7.PD		
32	600972	18040789	Lê Hải Yến	05/07/2000	18.C6.PD		
33	600973	18040313	Lương Thị Hằng	18/08/2000	18.K3.SP		
34	600974	18040918	Phạm Thị Doan	27/12/2000	18.G3.PD		
35	600975	18041244	Vũ Phương Anh	20/11/2000	18.J1.NN.CLC.TT23		
36	600976	19041861	Hoàng Thị Bích Ngọc	05/10/2000	19.K1.SP		
37	600977	19041095	Trịnh Văn Anh	27/09/2001	19.F5.NNCLCTT23		
38	600978	19040042	Đoàn Hà Anh	06/05/2001	19.J5.NNCLCTT23		
39	600979	18040800	Đông Thu Hiền	19/08/2000	18.C5.PD		
40	600980	19040201	Mai Thị Thư	26/10/2001	19.K1.SP		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020
TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN		NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	600981	20040003	Đặng Bình	An	01/12/2002	19.K1.SP		
2	600982	20040101	Nguyễn Quốc	Anh	11/04/2002	19.J1.NNCLCTT23		
3	600983	20040113	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	10/11/2002	19.C1.NNCLCTT23		
4	600984	20040147	Thăng Thị Huệ	Anh	08/03/2002	19.C1.NNCLCTT23		
5	600985	20040152	Tôn Nữ Hoàng	Anh	07/01/2002	19.F5.NNCLCTT23		
6	600986	20040194	Trần Đình	Bách	20/01/2002	19.K1.SP		
7	600987	20040201	Nguyễn Thanh	Bình	10/05/2002	19.G1.NNCLCTT23		
8	600988	20040210	Đỗ Minh	Châu	21/01/2002	19.G1.NNCLCTT23		
9	600989	20040261	Trần Thị	Chinh	08/11/1997	19.J4.NNCLCTT23		
10	600990	20040311	Phạm Hoàng	Dương	03/05/2000	19.C8.SP		
11	600991	20040471	Đỗ Minh	Hiếu	30/11/2002	19.C4.NNCLCTT23		
12	600992	20040474	Luyện Xuân	Hiếu	21/09/2002	19.J4.NNCLCTT23		
13	600993	20040481	Lại Mỹ	Hoa	18/07/2002	19.C4.NNCLCTT23		
14	600994	20040492	Dương Huy	Hoàng	29/06/2000	19.C8.SP		
15	600995	20040494	Nguyễn Đức Việt	Hoàng	30/04/1998	19.J5.NNCLCTT23		
16	600996	20040496	Phạm Minh	Hoàng	19/03/2002	19.G2.NNCLCTT23		
17	600997	20040526	Nguyễn Thu	Hương	20/04/2002	19.F5.NNCLCTT23		
18	600998	20040534	Trịnh Thu	Hường	12/01/2002	19.J7.SP		
19	600999	20040552	Lê Khánh	Huyền	25/11/2002	19.C7.NNCLCTT23		
20	601000	20040620	Hoàng Mai	Liên	10/06/2002	19.J7.SP		
21	601001	20040621	Nguyễn Thị Kim	Liên	26/10/2002	19.C8.SP		
22	601002	20040658	Lê Thị Yến	Linh	15/11/2002	19.C8.SP		
23	601003	20040719	Trịnh Nguyễn Thảo	Linh	18/12/2002	19.C8.SP		
24	601004	20040740	Phạm Khánh	Ly	10/09/2002	19.C8.SP		
25	601005	20040766	Phan Quỳnh	Mai	26/01/2002	19.C7.NNCLCTT23		
26	601006	20040808	Nguyễn Thị Xuân	Mơ	03/03/2002	19.C7.NNCLCTT23		
27	601007	20040825	Phan Vũ Hải	My	12/03/2002	19.K1.SP		
28	601008	20040845	Nguyễn Thị Hằng	Nga	01/12/1999	19.J7.SP		
29	601009	20040889	Nguyễn Minh	Ngọc	10/10/2002	19.C7.NNCLCTT23		
30	601010	20040897	Phan Doãn Bảo	Ngọc	08/04/2002	19.K1.SP		

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	601011	20040948	Nguyễn Thị Kiều Như	26/08/2002	19.C8.SP		
2	601012	20040968	Hoàng Thị Kiều Ninh	07/06/2002	19.C7.NNCLCTT23		
3	601013	20040995	Dương Thị Minh Phương	23/01/2002	19.J6.NNCLCTT23		
4	601014	20041058	Phùng Thị Thu Quyên	13/08/2002	19.C9.NNCLCTT23		
5	601015	20041138	Nguyễn Phương Thảo	18/05/2002	19.K1.SP		
6	601016	20041182	Lê Anh Thu	26/09/2002	19.J6.NNCLCTT23		
7	601017	20041274	Nguyễn Thị Thu Trang	25/02/2002	19.C9.NNCLCTT23		
8	601018	20041284	Phạm Thu Trang	03/03/2002	19.K4.NNCLCTT23		
9	601019	20041343	Nguyễn Thị Thu Uyên	22/07/2002	19.F5.NNCLCTT23		
10	601020	20041345	Nguyễn Thu Uyên	11/05/2002	19.C9.NNCLCTT23		
11	601021	20041382	Hoàng Yến Vy	09/10/2002	19.C8.SP		
12	601022	20041384	Nguyễn Hữu Thụy Vy	16/08/2002	19.K1.SP		
13	601023	20041386	Phạm Hà Vy	02/07/2002	19.G3.NNCLCTT23		
14	601024	20041632	Đặng Thị Thanh Thảo	25/11/2002	20.J2.NN23		
15	601025	20040602	Phạm Thị Phương Thảo	26/08/2002	20.R2.NN		
16	601026	20040858	Dương Thị Yên Vy	18/11/2002	20.C8.NN23		
17	601027	20041662	Hà Thị Thu Nguyệt	19/09/2002	20.K7.NN23		
18	601028	20041219	Dương Tuệ Tâm	02/01/2002	20.K8.NN23		
19	601029	20040187	Lê Hoàng Việt	22/12/2002	20.J1.SP		
20	601030	20041003	Lưu Thị Thu Hà	13/11/2002	20.J4.NN23		
21	601031	20041044	Đỗ Ngọc Mai	29/06/2002	20.J4.NN23		
22	601032	20040636	Nguyễn Ngọc Huyền Chi	19/12/2002	20.F5.NN23		
23	601033	20040718	Tô Sơn Tùng	13/11/2002	20.F5.NN23		
24	601034	20040822	Đặng Diễm Quỳnh	12/01/2002	20.C8.NN23		
25	601035	20041552	Lê Thu Hương	06/03/2002	20.C8.NN23		
26	601036						
27	601037						
28	601038						
29	601039						
30	601040						

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI

STT	SBD	MSSV	HỌ TÊN	NGÀY SINH	LỚP	KÝ NỘP	MÃ ĐỀ
1	601041						
2	601042						
3	601043						
4	601044						
5	601045						
6	601046						
7	601047						
8	601048						
9	601049						
10	601050						
11	601051						
12	601052						
13	601053						
14	601054						
15	601055						
16	601056						
17	601057						
18	601058						
19	601059						
20	601060						
21	601061						
22	601062						
23	601063						
24	601064						
25	601065						
26	601066						
27	601067						
28	601068						
29	601069						
30	601070						

Danh sách gồm: sinh viên.

Số sv dự thi:.....

Giám thị :

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐIỂM THI